

Số: **1796**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **10** tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1067.....
	Ngày: 16/8.....
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 988/TTr-STP ngày 20 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (cấp tỉnh, huyện, xã) thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh, UBND thành phố Huế, các thị xã và các huyện tổ chức niêm yết Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có).

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức niêm yết Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có).

3. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng nội dung theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, Bưu Điện tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải

quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu điện trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg và Quyết định này để cá nhân, tổ chức biết, thực hiện.

Điều 4. Bưu Điện tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và chủ động liên hệ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NV.



Phan Ngọc Thọ



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ,
TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1236/QĐ-UBND** ngày **10/10/2017**
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (108 TTHC)	
	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (6)	
1.	Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh	
2.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hàng năm trên địa bàn tỉnh (Trường hợp hồ sơ đăng ký nộp trước ngày 01/10 của năm trước năm tổ chức)	
3.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hàng năm trên địa bàn tỉnh (Trường hợp hồ sơ đăng ký nộp sau ngày 01/10 của năm trước năm tổ chức)	
4.	Đăng ký thực hiện khuyến mại mang tính may rủi	
5.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại mang tính may rủi trên địa bàn tỉnh	
6.	Đăng ký trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật tại hội chợ, triển lãm thương mại	
	Lĩnh vực Thương mại (21)	
7.	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	
8.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	
9.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
10.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
12.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
13.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
14.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
15.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	

16.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
17.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
18.	Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	
19.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	
20.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	
21.	Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	
22.	Xác nhận Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	
23.	Xác nhận Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo bán hàng đa cấp	
24.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	
25.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	
26.	Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	
27.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	
	Lĩnh vực Thương mại quốc tế (05)	
28.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
29.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
30.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
31.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
32.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
	Lĩnh vực Điện lực (05)	
33.	Cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống, đăng ký kinh doanh tại địa phương	
34.	Cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống, đăng ký kinh doanh tại địa phương	
35.	Cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện nông thôn có đăng ký kinh doanh tại địa phương	
36.	Cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3MW đặt tại địa	

	phương (phần thực hiện đầu tư dự án nhà máy và vận hành thương mại từng tổ máy)	
37.	Cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn có đăng ký kinh doanh tại địa phương	
	Lĩnh vực Công nghiệp (01)	
38.	Đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
	Lĩnh vực Xăng dầu (12)	
39.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
40.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
41.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	
42.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
43.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
44.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	
45.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
46.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
47.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	
48.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu với tổng dung tích các bể chứa trên 210m ³ đến dưới 5.000 m ³ .	
49.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000 m ³	
50.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000 m ³	
	Lĩnh vực Hóa chất (09)	
51.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	
52.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	
53.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	

54.	Cấp sửa đổi, bổ sung các Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	
55.	Cấp lại các Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện, trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy	
56.	Cấp lại các Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện, trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành	
57.	Cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất sản xuất	
58.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	
59.	Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	
	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (07)	
60.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	
61.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trong trường hợp GCN hết hiệu lực)	
62.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trong trường hợp GCN bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng)	
63.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	
64.	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Áp dụng đối với trường hợp sản phẩm thực phẩm đã được xác nhận nội dung quảng cáo nhưng thay đổi về nội dung quảng cáo hoặc Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm hết hiệu lực)	
65.	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm (Áp dụng đối với trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đã được cấp nhưng bị mất, thất lạc hoặc bị hư hỏng)	
66.	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	
	Lĩnh vực An toàn hóa chất (02)	
67.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	
68.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (40)	
69.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
70.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
71.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	

72.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
73.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
74.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
75.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
76.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
77.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	
79.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	
80.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	
81.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	
82.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	
83.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	
84.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	
85.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	
86.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	
87.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	
88.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	
89.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
90.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
91.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
92.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
93.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	

94.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	
95.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	
96.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	
97.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	
98.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	
99.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	
100.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	
101.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	
102.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	
103.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	
104.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	
105.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	
106.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	
107.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	
108.	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ DU LỊCH (17 TTHC)	
	Lĩnh vực Lữ hành (10)	
1.	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	
2.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	
3.	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong các trường hợp: a) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp du lịch nước ngoài từ một nước sang một nước khác; b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác; c) Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp du lịch nước ngoài d) Thay đổi địa điểm của doanh nghiệp du lịch nước ngoài	

	trong phạm vi nước nơi doanh nghiệp thành lập	
4.	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy	
5.	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	
6.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	
7.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
8.	Đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch	
9.	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	
10.	Cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch	
	Lĩnh vực Dịch vụ du lịch – Khách sạn (07)	
11.	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch	
12.	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch	
13.	Cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm du lịch	
14.	Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch	
15.	Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch	
16.	Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác	
17.	Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (09 TTHC)	
	Lĩnh vực Đường bộ (09)	
1.	Cấp mới Giấy phép lái xe	
2.	Đổi GPLX do ngành Giao thông vận tải cấp (Kể cả đổi GPLX do ngành Công an cấp trước ngày 01/8/1995)	
3.	Đổi GPLX (hoặc bằng lái xe) của nước ngoài cấp cho người	

	nước ngoài (kể cả người nước ngoài gốc Việt) cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam	
4.	Đổi GPLX đối với GPLX (hoặc bằng lái xe) của nước ngoài cấp cho người Việt Nam	
5.	Đổi GPLX quân sự do Bộ quốc phòng cấp cho quân nhân	
6.	Đổi GPLX do ngành Công an cấp sau ngày 31/7/1995	
7.	Đổi GPLX cho khách du lịch lái xe vào Việt Nam	
8.	Cấp lại GPLX bị mất	
9.	Cấp lại GPLX hết hạn sử dụng	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (60 TTHC)	
	Lĩnh vực Giáo dục Đào tạo (56)	
1.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	
2.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	
3.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	
4.	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	
5.	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	
6.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	
7.	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	
8.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	
9.	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp huyện	
10.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	
11.	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	
12.	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia	
13.	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	
14.	Công nhận trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia	
15.	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	
16.	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	
17.	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	
18.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	

19.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	
20.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học (Bao gồm trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân)	
21.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	
22.	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	
23.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
24.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	
25.	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
26.	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	
27.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	
28.	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tự thực	
29.	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	
30.	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường cao đẳng tự thực	
31.	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường cao đẳng tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	
32.	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
33.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông	
34.	Đề nghị miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên	
35.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	
36.	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
37.	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	
38.	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành	

	lập trường trung cấp sư phạm tư thục	
39.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	
40.	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp.)	
41.	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	
42.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	
43.	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	
44.	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	
45.	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	
46.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	
47.	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	
48.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	
49.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	
50.	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông	
51.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	
52.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	
53.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	
54.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	
55.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	
56.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	
	Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh (01)	
57.	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	
	Lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ (03)	
58.	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	
59.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	
60.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (86 TTHC)		
Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp (67)		
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp	
8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp	
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức)</i>	
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước)</i>	
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế thì công ty đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty)</i>	
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên)</i>	
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp)</i>	
17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác)</i>	
18.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp	

	bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
19.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác - <i>Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế cho nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận đầu tư) mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh</i>	
20.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác - <i>Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</i>	
21.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh	
22.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
23.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
24.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
25.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
26.	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
27.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
28.	Thông báo sử dụng con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện	
29.	Thông báo thay đổi con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.	
30.	Thông báo hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện	
31.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
32.	Thông báo việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
33.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
34.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng	

	đại diện thay thế cho nội dung đăng ký đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.	
35.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
36.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
37.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
38.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
39.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
40.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	
41.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
42.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
43.	Bán doanh nghiệp tư nhân	
44.	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	
45.	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
46.	Thành lập mới công ty được chia là công ty cổ phần	
47.	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	
48.	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
49.	Thành lập mới công ty được tách là công ty cổ phần	
50.	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
51.	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	

52.	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty cổ phần	
53.	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
54.	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
55.	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty cổ phần	
56.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	
57.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
58.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
59.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH	
60.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
61.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
62.	Giải thể doanh nghiệp	
63.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	
64.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
65.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
66.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
67.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.	
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hợp tác xã (19)	
68.	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
69.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
70.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân	
71.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân chia .	
72.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân tách.	
73.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất.	
74.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân sáp nhập	
75.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín	

	dụng nhân dân (khi bị mất).	
76.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (khi bị mất).	
77.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).	
78.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (khi bị hư hỏng).	
79.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
80.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
81.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
82.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
83.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
84.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
85.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân).	
86.	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (47 TTHC)	
	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (28)	
1.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	
2.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ	
3.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ	
4.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ	

5.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính (dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận) của tổ chức khoa học và công nghệ	
6.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ	
7.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ	
8.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ	
9.	Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị mất	
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị rách, nát	
11.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
12.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
13.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	
14.	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
16.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
17.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
18.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
19.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
20.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh	
21.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng	

	Đại diện, chi nhánh	
22.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị mất	
23.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị rách, nát	
24.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
25.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
26.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
27.	Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư	
28.	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	
	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân (7)	
29.	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
30.	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
31.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
32.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
33.	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
34.	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	
35.	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)	
	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (2)	
36.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	
37.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	
	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (10)	

38.	Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu	
39.	Xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	
40.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận hợp chuẩn độc lập - bên thứ ba)	
41.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh - bên thứ nhất)	
42.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy (trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy- bên thứ ba)	
43.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy (trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh - bên thứ nhất)	
44.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ và các chất ăn mòn bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	
45.	Tiếp nhận Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	
46.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	
47.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trong nhập khẩu	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NGOẠI VỤ (03 TTHC)	
	Lĩnh vực Công tác lãnh sự (02)	
1.	Cho phép tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Do cơ quan, tổ chức Việt Nam tổ chức)	
2.	Cho phép tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Do cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức)	
	Lĩnh vực Hoạt động di trú của công dân Việt Nam ra nước ngoài (01)	
3.	Xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NỘI VỤ (12 TTHC)	
	Lĩnh vực Công chức, viên chức (01)	
1.	Công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức	
	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế (03)	

2.	Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
3.	Giải thể, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	
4.	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân tỉnh	
	Lĩnh vực Hội, tổ chức phi chính phủ (03)	
5.	Công nhận ban vận động thành lập hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) trong lĩnh vực nội vụ	
6.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện)	
7.	Cho phép hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) đặt văn phòng đại diện	
	Lĩnh vực Công tác thanh niên (03)	
8.	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
9.	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
10.	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (01)	
11.	Giải quyết đơn thư liên quan đến khen thưởng thành tích trong kháng chiến	
	Lĩnh vực Xây dựng chính quyền (01)	
12.	Thành lập, chia tách để thành lập và sáp nhập thôn mới, tổ dân phố mới	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (125 TTHC)	
	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (05)	
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
3.	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
4.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	
5.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	
	Lĩnh vực Trồng trọt (05)	
6.	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
7.	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	

8.	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
9.	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	
10.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy phân bón	
	Lĩnh vực Thú y (18)	
11.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	
12.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	
13.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	
14.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
16.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
17.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
18.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	
19.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở pháit đánh giá lại	
20.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	
22.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)	
23.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
24.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	
25.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	

26.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
27.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
28.	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	
	Lĩnh vực Lâm nghiệp (43)	
29.	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	
30.	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	
31.	Cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ chuyển sang trồng cao su của tổ chức	
32.	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	
33.	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức.	
34.	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại LSNG thuộc loài nguy cấp, quý hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, RPH	
35.	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được Lâm nghiệp ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức	
36.	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	
37.	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	
38.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	
39.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	
40.	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	
41.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu	

	rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	
42.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	
43.	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
44.	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
45.	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
46.	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	
47.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
48.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do UBND tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	
49.	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do UBND tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	
50.	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	
51.	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	
52.	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	
53.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	
54.	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	
55.	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	
56.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa;	

	rừng giống; vườn cây đầu dòng)	
57.	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	
58.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	
59.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	
60.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	
61.	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi 01 tỉnh)	
62.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyên sang sử dụng cho mục đích khác	
63.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	
64.	Giao rừng đối với tổ chức	
65.	Cho thuê rừng đối với tổ chức	
66.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	
67.	Giao nộp gấu cho nhà nước	
68.	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	
69.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (Phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng)	
70.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thông thường trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (Phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng)	
71.	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước – Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng	
	Lĩnh vực Thủy lợi (08)	
72.	Cấp Giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc rễ ăn	

	sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	
73.	Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	
74.	Cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi.	
75.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	
76.	Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	
77.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 ngày 01/11/2004 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	
78.	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	
79.	Gia hạn, Điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	
	Lĩnh vực Thủy sản (25)	
80.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)	
81.	Cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá tra thương phẩm.	
82.	Cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá tra thương phẩm	
83.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn	
84.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá	

	nhập khẩu)	
85.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	
86.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
87.	Cấp Giấy chứng nhận tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	
88.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu	
89.	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	
90.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	
91.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá hoán cải	
92.	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	
93.	Nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng	
94.	Nhập khẩu tàu cá đóng mới	
95.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	
96.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	
97.	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	
98.	Cấp đổi, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	
99.	Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	
100.	Chứng nhận thủy sản khai thác	
101.	Chứng nhận lại thủy sản khai thác	
102.	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	
103.	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	
104.	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai	
	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (06)	
105.	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	
106.	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	
107.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	
108.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	
109.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	
110.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất,	

	bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	
	Lĩnh vực Phát triển nông thôn (06)	
111.	Công nhận nghề truyền thống	
112.	Công nhận làng nghề	
113.	Công nhận làng nghề truyền thống	
114.	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	
115.	Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh	
116.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	
	Lĩnh vực Nông thôn mới (03)	
117.	Xác nhận đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới	
118.	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	
119.	Công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới	
	Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình (03)	
120.	Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư, thiết kế cơ sở dự án nhóm B, nhóm C; điều chỉnh, bổ sung TKCS các dự án có liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	
121.	Thẩm định, phê duyệt BCKTKT, kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý	
122.	Thẩm định thiết kế, điều chỉnh thiết kế đối với các công trình xây dựng chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	
123.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	
	Lĩnh vực Kế hoạch tài chính (02)	
124.	Phê duyệt thiết kế - dự toán các mô hình khuyến nông, khuyến ngư, các công trình khai hoang, phục hoá, trồng cây lương thực, rau màu, mô hình thủy sản (nguồn vốn ngân sách)	
125.	Phê duyệt dự toán các chương trình tập huấn, quản lý, mua sắm trang thiết bị... sử dụng kinh phí ngân sách thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH (05 TTHC)	
	Lĩnh vực Quản lý ngân sách nhà nước (03)	
1.	Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản)	
2.	Kê khai bổ sung thông tin chuyển giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản khi đã đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân	

	sách	
3.	Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (dùng cho các đơn vị dự toán)	
	Lĩnh vực Quản lý giá (02)	
4.	Kê khai giá theo danh mục do Sở Tài chính tiếp nhận	
5.	Đăng ký giá theo danh mục thuộc phạm vi của Sở Tài chính	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (52 TTHC)	
	Lĩnh vực Đất đai (26)	
1.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
2.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
3.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
4.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
5.	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	
6.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
7.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
8.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện chuyển quyền theo quy định	
9.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	
10.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
11.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử	

	dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
12.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	
13.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	
14.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
15.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	
16.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu kinh tế	
17.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
18.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
19.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
20.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc trang bổ sung do bị mất	
22.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	
23.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	
24.	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
25.	Chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất	

26.	Cung cấp dữ liệu về đất đai	
	Lĩnh vực Giao dịch đảm bảo (14)	
27.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	
28.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất	
29.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	
30.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	
31.	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	
32.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	
33.	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	
34.	Xóa đăng ký thế chấp	
35.	Đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu	
36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	
37.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	
38.	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai	
39.	Xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	
40.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	
	Lĩnh vực Môi trường (09)	
41.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	
42.	Xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án	
43.	Phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết	
44.	Thẩm định, phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường	
45.	Thẩm định, phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	
46.	Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại	
47.	Xác nhận việc thực hiện Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết	

48.	Cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	
49.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại	
	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (03)	
50.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	
51.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	
52.	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (38 TTHC)	
	Lĩnh vực Báo chí – Thông tin điện tử (17)	
1.	Cho phép hợp báo (trong nước)	
2.	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)	
3.	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí	
4.	Cấp giấy phép thiết lập trang tin điện tử (Internet) tổng hợp.	
5.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
6.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
7.	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
8.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
9.	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng	
10.	Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	
11.	Thông báo thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4)	
12.	Thông báo thời gian chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi G2, G3, G4 trên mạng cho công cộng	
13.	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	
14.	Thông báo thời gian chính thức cung cấp trò chơi điện tử trên mạng	

15.	Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng	
16.	Thông báo thay đổi trụ sở chính nhưng vẫn trong cùng một tỉnh, thành phố, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng	
17.	Thông báo thời gian chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử GI trên mạng	
	Lĩnh vực Xuất bản (15)	
18.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	
19.	Cấp giấy phép hoạt động in	
20.	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	
21.	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	
22.	Cấp giấy phép nhập khẩu tài liệu không kinh doanh	
23.	Cấp giấy phép chế bản in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	
24.	Đăng ký hoạt động cơ sở in	
25.	Cấp lại giấy phép hoạt động in	
26.	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	
27.	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	
28.	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	
29.	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	
30.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
31.	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
32.	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
	Lĩnh vực Bưu chính (06)	
33.	Cấp giấy phép bưu chính trong phạm vi nội tỉnh	
34.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	
35.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	
36.	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	
37.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	
38.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị	

	mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ TƯ PHÁP (91 TTHC)	
	Lĩnh vực Luật sư (08)	
1.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	
2.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	
3.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	
4.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	
5.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	
6.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập	
7.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư	
8.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp chấm dứt hoạt động do Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết	
	Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (08)	
9.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	
10.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
11.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
12.	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	
13.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	

14.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	
15.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
16.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
	Lĩnh vực Giám định tư pháp (09)	
17.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	
18.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	
19.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	
20.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	
21.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
22.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động	
23.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động	
24.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	
25.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	
	Lĩnh vực Trọng tài thương mại (19)	
26.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	
27.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	
28.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	
29.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
30.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
31.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	
32.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
33.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	

34.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
35.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
36.	Thông báo thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
37.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
38.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	
39.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
40.	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	
41.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	
42.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	
43.	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	
44.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
	Lĩnh vực Công chứng (22)	
45.	Bỏ nhiệm công chứng viên	
46.	Bổ nhiệm lại công chứng viên	
47.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	
48.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp bị miễn nhiệm)	
49.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
50.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
51.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
52.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự	

	thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
53.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
54.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
55.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	
56.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	
57.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	
58.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể.	
59.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
60.	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	
61.	Thành lập Văn phòng công chứng	
62.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	
63.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	
64.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	
65.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	
66.	Thành lập Hội công chứng viên	
	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (07)	
67.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
68.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
69.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
70.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	
71.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
72.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	
73.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản	

	lý, thanh lý tài sản	
	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (05)	
74.	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
75.	Thay đổi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
76.	Thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
77.	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	
78.	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	
	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (02)	
79.	Công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh)	
80.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh)	
	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp (03)	
81.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	
82.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	
83.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	
	Lĩnh vực Hộ tịch (01)	
84.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
	Lĩnh vực Quốc tịch (02)	
85.	Xác nhận có quốc tịch Việt Nam	
86.	Xác nhận là người gốc Việt Nam	
	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (05)	
87.	Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu trong hoạt động quản lý hành chính	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
88.	Chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	
89.	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp
90.	Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai trong hoạt động quản lý hành chính	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp
91.	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (73 TTHC)		
Lĩnh vực Di sản văn hóa (13)		
1.	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
2.	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	
3.	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	
4.	Xếp hạng bảo tàng hạng II, hạng III đối với bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập	
5.	Cấp phép làm bản sao di vật, cổ vật bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng tư nhân	
6.	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	
7.	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	
8.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	
9.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	
10.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	
11.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	
12.	Xếp hạng di tích cấp tỉnh	
13.	Xếp hạng di tích cấp quốc gia	
Lĩnh vực Điện ảnh (02)		
14.	Cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	
15.	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	
Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (08)		
16.	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	

	(thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)	
17.	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	
18.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại địa phương	
19.	Đưa tác phẩm mỹ thuật Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam	
20.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)	
21.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)	
22.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)	
23.	Tiếp nhận thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan (thẩm quyền của Sở VH&TT)	
	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn (06)	
24.	Cấp, thu hồi giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	
25.	Cấp, thu hồi giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	
26.	Cấp, thu hồi giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	
27.	Cấp, thu hồi giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	
28.	Cấp, thu hồi giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	
29.	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (06)	
30.	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do Sở văn hóa và thể thao cấp)	
31.	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	
32.	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội	
33.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	
34.	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, phương tiện giao thông, biên hiệu của tổ chức, cá nhân hoặc đồng sản xuất, kinh doanh	
35.	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	

	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (02)	
36.	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao)	
37.	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	
	Lĩnh vực Nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh (03)	
38.	Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	
39.	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	
40.	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	
	Lĩnh vực Thư viện (01)	
41.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 20.000 bản trở lên	
	Lĩnh vực Gia đình (10)	
42.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
43.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
44.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
45.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
46.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
47.	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
48.	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
49.	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
50.	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	
51.	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	
	Lĩnh vực Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (01)	
52.	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	

	Lĩnh vực Thể dục thể thao (24)	
53.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker	
54.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình	
55.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển	
56.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí	
57.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn	
58.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao	
59.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam	
60.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt	
61.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ	
62.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ	
63.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc	

	bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh	
64.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo	
65.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao	
66.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo	
67.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động động Luân Sư Rồng	
68.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo	
69.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá	
70.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn	
71.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông	
72.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin	
73.	Công nhận Ban vận động thành lập Hội, Liên đoàn thể thao cấp tỉnh	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ XÂY DỰNG (45 TTHC)	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (16)	

1.	Cấp giấy phép xây dựng mới	
2.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	
3.	Cấp giấy phép di dời công trình	
4.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	
5.	Gia hạn giấy phép xây dựng	
6.	Cấp lại giấy phép xây dựng	
7.	Cấp/cấp lại /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng	
8.	Cấp/cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	
9.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (Trường hợp CCHN rách, nát/thất lạc) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	
10.	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực)	
11.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	
12.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	
13.	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)	
14.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10,	

	Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)	
15.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)	
16.	Tiếp nhận công bố sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật	
	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng (09)	
17.	Cấp giấy phép quy hoạch	
18.	Cấp chứng chỉ quy hoạch	
19.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch vùng	
20.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
21.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
22.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch vùng	
23.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
24.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
25.	Thẩm định, phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng	
	Lĩnh vực Phát triển đô thị (04)	
26.	Lấy ý kiến đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	
27.	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
28.	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
29.	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	

	Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản (03)	
30.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	
31.	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	
32.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	
	Lĩnh vực Nhà ở (09)	
33.	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	
34.	Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	
35.	Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	
36.	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
37.	Thẩm định giá bán, thuê mua, thế nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	
38.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	
39.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	
40.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	
41.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	
	Lĩnh vực Giám định xây dựng (03)	
42.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng	
43.	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	
44.	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	
	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng (01)	
45.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối	

	với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ Y TẾ (67 TTHC)	
	Lĩnh vực Dược - Mỹ phẩm - Y Dược Cổ truyền (17)	
1.	Cấp chứng chỉ hành nghề dược	
2.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dược	
3.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
4.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
5.	Bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
6.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
7.	Công bố sản phẩm mỹ phẩm	
8.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề vắc xin, sinh phẩm y tế	
9.	Cấp giấy chứng nhận "Thực hành tốt nhà thuốc"	
10.	Cấp giấy chứng nhận "Thực hành tốt phân phối thuốc"	
11.	Duyệt dự trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc	
12.	Cấp thẻ người giới thiệu thuốc	
13.	Đăng ký hội thảo giới thiệu thuốc	
14.	Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thông tin, quảng cáo mỹ phẩm; hồ sơ đăng ký hội thảo/tổ chức sự kiện giới thiệu mỹ phẩm	
15.	Đăng ký sản xuất thuốc trong nước thuộc danh mục Phụ lục I quy định chế đăng ký thuốc	
16.	Nhập khẩu thuốc theo đường phi mậu dịch	
17.	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	
	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh (20)	
18.	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
19.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	

20.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
21.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện công lập trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	
22.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
23.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
24.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
25.	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
26.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
27.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
28.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	
29.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	
30.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	
31.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	
32.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	
33.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	
34.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	
35.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	
36.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	
37.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn (áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và	

	bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động	
38.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016	
39.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016	
40.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
41.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
42.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình tư nhân độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
43.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa	
44.	Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ gia đình đối với trạm y tế cấp xã	
45.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	
46.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	
47.	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
	Lĩnh vực Y tế dự phòng và Môi trường (15)	
48.	Cấp mới giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
49.	Cấp mới giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
50.	Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học hết hạn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
51.	Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học bị hỏng, bị mất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
52.	Cấp lại giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học do thay đổi tên của cơ sở có phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	

53.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo điểm a, c, d Khoản 1 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
54.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm b Khoản 1 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
55.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm a, Khoản 2, Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
56.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm b Khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
57.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm c Khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
58.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo điểm a, c, d Khoản 1 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
59.	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm b Khoản 1 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
60.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm a, Khoản 2, Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
61.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm b Khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
62.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng theo Điểm c Khoản 2 Điều 17 Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng	
	Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm (05)	
63.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 26/2012/TT-BYT	

64.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	
65.	Cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	
66.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc quản lý của ngành y tế	
67.	Cấp lại Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BQL KHU KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP TỈNH (99 TTHC)	
	Lĩnh vực Lao động (06)	
1.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (lần đầu đề nghị cấp giấy phép lao động tại Việt Nam)	
2.	Cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Đối với trường hợp đặc biệt lao động nước ngoài đã từng được cấp giấy phép lao động)	
3.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
4.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
5.	Thu hồi giấy phép lao động	
6.	Đăng ký Nội quy lao động	
	Lĩnh vực Xuất, nhập cảnh (01)	
7.	Xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (thẻ ABTC)	
	Lĩnh vực Môi trường (07)	
8.	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	
9.	Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	
10.	Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án	
11.	Thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	
12.	Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản	
13.	Thẩm định, phê duyệt phương án/phương án bổ sung cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo)	
14.	Thẩm định, phê duyệt phương án/phương án bổ sung cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp không có hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo	

	<i>đánh giá tác động môi trường kèm theo)</i>	
	Lĩnh vực Khoáng sản (14)	
15.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
16.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	
17.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản	
18.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	
19.	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	
20.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
21.	Đóng cửa mỏ khoáng sản	
22.	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
23.	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
24.	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	
25.	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	
26.	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	
27.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	
28.	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.	
	Lĩnh vực Tài nguyên nước (08)	
29.	Cấp phép thăm dò nước dưới đất	
30.	Cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
31.	Cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt	
32.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
33.	Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất	
34.	Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
35.	Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
36.	Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
	Lĩnh vực Đất đai (03)	
37.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình	

	thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại địa bàn Khu kinh tế	
38.	Giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại địa bàn khu kinh tế	
39.	Gia hạn sử dụng đất tại địa bàn Khu kinh tế	
	Lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng, kiến trúc (04)	
40.	Cấp giấy phép quy hoạch	
41.	Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết	
42.	Thẩm định và phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng	
43.	Thẩm định và phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng	
	Lĩnh vực Quản lý Hoạt động xây dựng (06)	
44.	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	
45.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	
46.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh	
47.	Cấp giấy phép xây dựng	
48.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng	
49.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	
	Lĩnh vực Đầu tư (28)	
50.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh	
51.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
52.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội	
53.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
54.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
55.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
56.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong	

	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
57.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	
58.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh	
59.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
60.	Chuyển nhượng dự án đầu tư	
61.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
62.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
63.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
64.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
65.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
66.	Giãn tiến độ đầu tư	
67.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
68.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
69.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
70.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
71.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
72.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
73.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
74.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp	
75.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp	
76.	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp trong Khu kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế	

77.	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp trong Khu kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế	
Lĩnh vực Thương mại quốc tế (10)		
78.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	
79.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý đến khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý khác)	
80.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức)	
81.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Đối với trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài)	
82.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện)	
83.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện)	
84.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện)	
85.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý)	
86.	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện	
87.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (12)		
88.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
89.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
90.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
91.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
92.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	

93.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
94.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu	
95.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	
96.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	
97.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	
98.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
99.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA THANH TRA TỈNH (03 TTHC)	
1.	Xử lý đơn thư	
2.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	
3.	Giải quyết tố cáo	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BAN DÂN TỘC TỈNH (01 TTHC)	
1.	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động Hộ kinh doanh (05)	
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
3.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động Hợp tác xã (19)	
6.	Đăng ký hợp tác xã	
7.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
8.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	
9.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	
10.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
11.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
12.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
13.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	
14.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	
15.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
16.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
17.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
18.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
19.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
20.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	
21.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	

22.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
23.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	
24.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	
	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế (02)	
25.	Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
26.	Giải thể, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	
	Lĩnh vực Hội, tổ chức phi chính phủ (03)	
27.	Công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã và thành phố	
28.	Công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	
29.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo (44)	
30.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	
31.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
32.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
33.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	
34.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
35.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
36.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
37.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).	
38.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
39.	Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
40.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	
41.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
42.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	

43.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	
44.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	
45.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập.	
46.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	
47.	Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục	
48.	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục	
49.	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục	
50.	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục	
51.	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc THCS	
52.	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc THCS	
53.	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	
54.	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	
55.	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	
56.	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	
57.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
58.	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	
59.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
60.	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	
61.	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở	
62.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	
63.	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	
64.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
65.	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	
66.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
67.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
68.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	
69.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
70.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	
71.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	

72.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
73.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	
	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (03)	
74.	Công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp huyện)	
75.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp huyện)	
76.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	
	Lĩnh vực Tiếp dân, KNTC (04)	
77.	Xử lý đơn thư	
78.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	
79.	Giải quyết khiếu nại lần hai	
80.	Giải quyết tố cáo	
	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (08)	
81.	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cấp)	
82.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	
83.	Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	
84.	Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	
85.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
86.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
87.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
88.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
	Lĩnh vực Thư viện (01)	
89.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	
	Lĩnh vực Gia đình (06)	
90.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND huyện)	
91.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
92.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	

93.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
94.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
95.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật (04)	
96.	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông	
97.	Cấp giấy phép đào đường, vỉa hè	
98.	Cấp giấy phép thi công các công trình giao thông	
99.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	
	Lĩnh vực Quy hoạch (09)	
100.	Cấp chứng chỉ quy hoạch	
101.	Cấp Giấy phép quy hoạch	
102.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
103.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
104.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn	
105.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
106.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
107.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn	
108.	Thẩm định, phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng	
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (07)	
109.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình (gồm công trình xây dựng không theo tuyến, công trình xây dựng theo tuyến trong đô thị, công trình tôn giáo, dự án, nhà ở riêng lẻ)	
110.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	
111.	Cấp giấy phép di dời công trình	
112.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	
113.	Gia hạn giấy phép xây dựng	

114.	Cấp lại giấy phép xây dựng	
115.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	
	Lĩnh vực Môi trường (02)	
116.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.	
117.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.	
	Lĩnh vực Chứng thực (01)	
118.	Cấp bản sao từ sổ gốc	
	Lĩnh vực Hộ tịch (12)	
119.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
120.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
121.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
122.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
123.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
124.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
125.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
126.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
127.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
128.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
129.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
130.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (05)	
131.	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	
132.	Chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	

133.	Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
134.	Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp
135.	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp
	Lĩnh vực Xuất bản (02)	
136.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	
137.	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy	
	Lĩnh vực Viễn thông và Internet (04)	
138.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
139.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
140.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
141.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09)	
142.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
143.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
144.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
145.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
146.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
147.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
148.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
149.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
150.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
	Lĩnh vực Quản lý An toàn thực phẩm (05)	
151.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm	
152.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm	
153.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với	

	các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm (trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)	
154.	Xác nhận cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm (trường hợp bị mất, hư hỏng, thất lạc)	
155.	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	Lĩnh vực Chứng thực (01)	
1.	Cấp bản sao từ sổ gốc	
	Lĩnh vực Hộ tịch (12)	
2.	Đăng ký khai sinh	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
3.	Đăng ký khai tử	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
4.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
5.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
6.	Đăng ký giám hộ	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
7.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
8.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
9.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
10.	Đăng ký lại khai sinh	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
11.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
12.	Đăng ký lại khai tử	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
13.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (03)	
14.	Chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	
15.	Giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu trong hoạt động quản lý hành chính	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
16.	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Tiếp nhận qua bưu chính. Trả kết quả trực tiếp.
	Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (04)	
17.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã)	
18.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã)	
19.	Thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	
20.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên (cấp xã)	

	Lĩnh vực Tiếp dân, KNTC (03)	
21.	Xử lý đơn thư	
22.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	
23.	Giải quyết tố cáo	
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo (06)	
24.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
25.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
26.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	
27.	Đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp	
28.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
29.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
	Lĩnh vực Văn hóa - thể thao (02)	
30.	Công nhận gia đình văn hóa	
31.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
	Lĩnh vực Thư viện (01)	
32.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	
	Lĩnh vực Môi trường (04)	
33.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	
34.	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	
35.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	
36.	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	
	Lĩnh vực Công thương (03)	
37.	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
38.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
39.	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	